

Bản tin nhanh

Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP
và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành
Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15

Tháng 7/2025



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15

Ngày 01/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") sửa đổi, đồng thời Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 69/2025/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế GTGT sửa đổi và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP. Các văn bản này được ban hành nhằm cụ thể hóa và làm rõ các nội dung tại Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý và hướng dẫn doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT.

Quý khách hàng vui lòng tham khảo bản tin cập nhật về Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 tại: [ĐÂY](#).

Hiệu lực thi hành: ngày 01/7/2025.



Một số điểm nổi bật

Trong bản tin kỳ này, Deloitte Việt Nam trân trọng cập nhật tới quý khách hàng những quy định đáng lưu ý của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC. Nội dung tập trung vào các quy định liên quan đến dịch vụ xuất khẩu cung cấp trực tiếp cho khu phi thuế quan, thanh toán không dùng tiền mặt, và các quy định về hoàn thuế GTGT,... là những chủ đề đang được cộng đồng doanh nghiệp đặc biệt quan tâm.

Các nội dung đáng lưu ý được trình bày trong Bản tin nhanh, bao gồm:

- ✓ Đối tượng không chịu thuế GTGT;
- ✓ Giá tính thuế GTGT;
- ✓ Thời điểm xác định thuế GTGT;
- ✓ Quy định về việc áp dụng thuế suất 0% cho hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu;
- ✓ Quy định về việc thanh toán không dùng tiền mặt;
- ✓ Quy định về hoàn thuế, khấu trừ thuế GTGT;
- ✓ Thuế GTGT áp dụng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Đối tượng không chịu thuế GTGT



Quy định chi tiết về một số trường hợp không chịu thuế GTGT

- ✓ **Xác định các đối tượng không chịu thuế GTGT** trên cơ sở **đồng bộ với một số quy định chuyên ngành** như pháp luật về nhà ở, về các tổ chức tín dụng và hoạt động tín dụng, về thông tin đối ngoại, v.v.;
- ✓ **Hướng dẫn chi tiết** cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đặc thù thuộc đối tượng không chịu thuế như sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường; hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo; hoạt động xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, sách; hoạt động dạy học, dạy nghề; v.v.;
- ✓ Ban hành **chi tiết danh mục về sản phẩm xuất khẩu** là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến và đã chế biến thành sản phẩm khác theo định hướng của Nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu. Các sản phẩm xuất khẩu thuộc danh mục này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và không được áp dụng thuế suất 0% khi xuất khẩu.

(Điều 4, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)



Quy định về hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế GTGT

- Người nộp thuế căn cứ vào nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và Nghị định số 181/2025/NĐ-CP để xác định đối tượng không chịu thuế GTGT; và
- Một số trường hợp cụ thể, người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế GTGT khi cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu:
 - ✓ Sản phẩm giống vật nuôi;
 - ✓ Nhập khẩu báo, tạp chí, đặc san, một số loại hình sách và tranh ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động;
 - ✓ Hàng hóa dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam;
 - ✓ Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế, bố trí, nhãn hiệu là chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ;
 - ✓ Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng là chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ;
 - ✓ Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh.

(Điều 3, Thông tư số 69/2025/TT-BTC)



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Giá tính thuế GTGT



Nguyên tắc xác định giá tính thuế GTGT

- ✓ **Giá tính thuế GTGT** bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng, không bao gồm các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ: các khoản thu về bồi thường bằng tiền, tiền thưởng, thu đòi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ, các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước, các khoản thu tài chính;
- ✓ Trường hợp áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng (nếu có) thì **giá tính thuế GTGT là giá bán đã chiết khấu thương mại chưa có thuế GTGT**;
- ✓ Nếu **giá tính thuế GTGT** bị thay đổi theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan, thì giá tính thuế được xác định theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(Điều 14, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)



Xác định giá tính thuế đối với các trường hợp cụ thể

- ✓ Hàng hóa, dịch vụ bán ra và hàng hóa nhập khẩu;
- ✓ Hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại;
- ✓ Hoạt động cho thuê tài sản, gia công hàng hóa và hoạt động xây dựng, lắp đặt;
- ✓ Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- ✓ Hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa, dịch vụ hưởng hoa hồng và hàng hóa, dịch vụ được sử dụng hóa đơn thanh toán ghi giá thanh toán;
- ✓ Dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng và dịch vụ kinh doanh đặt cược;
- ✓ Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (hoạt động sản xuất điện, hoạt động vận tải, bốc xếp; dịch vụ theo hình thức lữ hành; dịch vụ cầm đồ, hoạt động in, hoạt động đại lý giám định);
- ✓ Dịch vụ viễn thông quốc tế;
- ✓ Dịch vụ do tổ chức nước ngoài, cá nhân ở nước ngoài cung cấp.

(Điều 6, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Thời điểm xác định thuế GTGT

Quy định về thời điểm xác định thuế GTGT được đồng bộ với quy định về hóa đơn, pháp luật hải quan và các quy định chuyên ngành có liên quan khác. Ví dụ:

- ✓ **Với hàng hóa xuất khẩu:** Thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu do người bán tự xác định, nhưng muộn nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định của pháp luật hải quan;
- ✓ **Với hàng hóa nhập khẩu:** Thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm xác định thuế nhập khẩu theo quy định về thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu;
- ✓ Một số trường hợp thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là **thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu** giữa các cơ sở kinh doanh: dịch vụ viễn thông, hoạt động bán điện của các công ty phát điện, hoạt động cung cấp nước sạch, v.v.

(Điều 15, Điều 16, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Hàng hóa, dịch vụ áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0%



Đối tượng áp dụng mức thuế suất 0%

- Quy định về các dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức trong khu phi thuế quan bao gồm:
 - ✓ Dịch vụ được tiêu dùng trong **khu phi thuế quan** phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; và
 - ✓ **Một số dịch vụ cụ thể khác**, bao gồm: dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất (dịch vụ nâng hạ container tại cảng, nhà máy, kho hàng; dịch vụ xếp dỡ, bốc xếp tại nhà máy, cảng, sân bay và các chi phí phát sinh có liên quan như: phí chứng từ, phí điện giao hàng, phí niêm chì, phí làm hàng, phí đóng gói).
- Quy định về “Hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu” là hàng hóa, dịch vụ:
 - ✓ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu; và
 - ✓ không bao gồm các hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.
- Quy định chi tiết về đối tượng và tiêu chí xác định đối với một số hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác, bao gồm: vận tải quốc tế, dịch vụ ngành hàng không, dịch vụ ngành hàng hải, sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài.
- Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này trong trường hợp cần thiết để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.



Các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0%

Điều chỉnh so với quy định áp dụng trước ngày 01/7/2025 theo hướng mở rộng đối tượng không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, cụ thể:

- ✓ Loại bỏ yếu tố “**nước ngoài**” đối với nhóm dịch vụ cấp tín dụng, chuyển nhượng vốn và dịch vụ bưu chính, viễn thông;
- ✓ Sửa đổi nhóm “**dịch vụ tài chính phái sinh**” thành “**sản phẩm phái sinh**”.

(Điều 17, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Hàng hóa, dịch vụ áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% (tiếp)



Quy định về hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%

- ✓ Người nộp thuế căn cứ hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, Điều 9, Luật Thuế GTGT và Điều 17, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP để xác định đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%;
- ✓ Người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% tại Điều 18, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP khi cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu;
- ✓ Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác, phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào tại Điều 27, Điều 28, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP khi cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu.

(Điều 4, Thông tư số 69/2025/TT-BTC)



Thanh toán không dùng tiền mặt



Cơ sở kinh doanh phải có **chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt** đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) **từ 5 triệu đồng trở lên** đã bao gồm thuế GTGT;



Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán;



Quy định chi tiết về hồ sơ, chứng từ đối với một số trường hợp đặc thù về thanh toán không dùng tiền mặt, bao gồm:

- ✓ Bù trừ giá trị giữa giá trị mua và bán hàng hóa, dịch vụ, vay mượn;
- ✓ Bù trừ công nợ qua bên thứ ba có vay/mượn tiền;
- ✓ Thanh toán ủy quyền hoặc chỉ định qua bên thứ ba;
- ✓ Thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu;
- ✓ Thanh toán vào tài khoản bên thứ ba tại Kho bạc Nhà nước để cưỡng chế;
- ✓ Mua trả chậm, trả góp từ 5 triệu đồng trở lên;
- ✓ Giá trị nhập khẩu hoặc hóa đơn dưới 5 triệu đồng hoặc hàng quà biếu, hàng mẫu: Không yêu cầu chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.
- ✓ Người lao động thanh toán hộ công ty hoặc không phải là người lao động;
- ✓ Mua nhiều lần trong cùng ngày từ một người bán có tổng giá trị từ 5 triệu đồng trở lên;

(Điều 27, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Hoàn thuế GTGT



Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

- Xác định đối tượng được hoàn thuế trong một số trường hợp :
 - ✓ Trường hợp ủy thác xuất khẩu: Là cơ sở kinh doanh có hàng hóa ủy thác xuất khẩu;
 - ✓ Trường hợp gia công chuyển tiếp: Là cơ sở kinh doanh ký hợp đồng gia công xuất khẩu với bên nước ngoài;
 - ✓ Trường hợp hàng hóa xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài: Là cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài.
- Quy định trường hợp “hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác” là hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam sau đó trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, không bao gồm nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu;

(Điều 29, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)

- Quy định công thức xác định thuế GTGT được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trong trường hợp vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa.

(Phụ lục II kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-BTC)



Đối với dự án đầu tư

- Dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phải chấm dứt hoạt động, chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính thì cơ sở kinh doanh phải **nộp lại số thuế GTGT đã được hoàn** theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(Điều 30, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Hoàn thuế GTGT (tiếp)



Đối với sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%

- ✓ Tỷ lệ phân bổ số thuế GTGT đầu vào sử dụng đồng thời cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế 5% và cho hàng hóa, dịch vụ chịu nhiều mức thuế suất khác là tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế 5% trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế;
- ✓ Kỳ hoàn thuế từ kỳ tính thuế GTGT theo thuế suất 5% có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết liên tục chưa được hoàn đến kỳ tính thuế có đề nghị hoàn thuế;
- ✓ Số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế 5% nếu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của các hàng hóa, dịch vụ chịu thuế còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế;

(Điều 31, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP)

- ✓ Quy định công thức xác định thuế GTGT được hoàn cho cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% trong trường hợp sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu nhiều mức thuế suất thuế GTGT.

(Phụ lục III kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-BTC)



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Thuế GTGT dành cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

Thông tư số 69/2025/TT-BTC thay thế một phần quy định về thuế GTGT tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC **đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có doanh thu phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng.**

(Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 69/2025/TT-BTC)

Quy định về đối tượng áp dụng và không áp dụng thuế GTGT đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam (thuế Nhà thầu nước ngoài)

Đối tượng áp dụng	Đối tượng không áp dụng
- Tổ chức nước ngoài kinh doanh có hoặc không có cơ sở thường trú ("CSTT") và cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng hoặc không là đối tượng cư trú kinh doanh tại Việt Nam; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện đàm phán, ký kết các hợp đồng đứng tên tổ chức, cá nhân nước ngoài; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối tại thị trường Việt Nam, mua hàng hóa để xuất khẩu, bán hàng hóa.	- Tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa không kèm các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình thức giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài hoặc cửa khẩu Việt Nam; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp một số dịch vụ được thực hiện tại nước ngoài, bao gồm: ✓ Sửa chữa phương tiện vận tải; ✓ Quảng cáo tiếp thị (trừ quảng cáo tiếp thị trên internet); ✓ Xúc tiến đầu tư và thương mại; ✓ Môi giới bán hàng hóa, môi giới cung cấp dịch vụ ra nước ngoài; ✓ Đào tạo (trừ đào tạo trực tuyến); ✓ Chia cước dịch vụ viễn thông quốc tế; thuê đường truyền dẫn và băng tần vệ tinh; chia cước dịch vụ bưu chính quốc tế. - Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng kho ngoại quan, cảng nội địa ("ICD") làm kho hàng hóa để phục vụ cho hoạt động vận tải quốc tế, quá cảnh, chuyển khẩu, lưu trữ hàng hoặc để cho doanh nghiệp khác gia công; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa dịch vụ khác mà được thực hiện ở nước ngoài và không tiêu dùng tại Việt Nam.



Một số quy định đáng lưu ý trong Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tiếp)



Thuế GTGT dành cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (tiếp)



Cách xác định số thuế GTGT phải nộp

- ✓ Tỷ lệ phần trăm (%) để tính thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu được quy chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 69/2025/TT-BTC;
- ✓ Đối với các hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ bao gồm nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau, tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu căn cứ vào doanh thu tính thuế GTGT đối với từng hoạt động kinh doanh, trường hợp không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì áp dụng tỷ lệ % cao nhất đối với ngành nghề kinh doanh cho toàn bộ giá trị hợp đồng.



Định nghĩa về “Hợp đồng nhà thầu” và “Hợp đồng nhà thầu phụ”

- ✓ “Hợp đồng nhà thầu” là hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa nhà thầu nước ngoài và bên Việt Nam;
- ✓ “Hợp đồng nhà thầu phụ” là hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa nhà thầu phụ và nhà thầu nước ngoài, trong đó, nhà thầu phụ gồm nhà thầu phụ nước ngoài và nhà thầu phụ Việt Nam.

(Điều 9, Thông tư số 69/2025/TT-BTC)



Nhận định của Deloitte Việt Nam và khuyến nghị đối với doanh nghiệp



Nhận định của Deloitte Việt Nam

Hệ thống pháp lý về thuế GTGT đang được hoàn thiện theo hướng rõ ràng và thực tiễn hơn

Việc ban hành đồng thời Nghị định và Thông tư hướng dẫn Luật Thuế GTGT số 48/2025/QH15 đã thể hiện nỗ lực của cơ quan quản lý trong việc đồng bộ hóa hệ thống pháp luật thuế. Nhiều điểm vốn gây vướng mắc trong quá trình thực hiện trước đây, như điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, hoàn thuế, và các khái niệm liên quan đến khu phi thuế quan đã được giải quyết với quy định chi tiết và mang tính thực tiễn, giúp doanh nghiệp dễ dàng áp dụng.

Với môi trường pháp lý ngày càng minh bạch, ngoài "*kê khai đúng*", doanh nghiệp nên "*quản trị tuân thủ chủ động*"

Không chỉ đơn thuần là tuân thủ về mặt hồ sơ chứng từ, các quy định mới đòi hỏi doanh nghiệp phải có hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình phối hợp giữa các phòng ban (thuế – kế toán – kho hàng - xuất nhập khẩu – pháp chế...) để đảm bảo đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất và khấu trừ thuế GTGT, giúp tối ưu hiệu quả hoạt động và tuân thủ pháp luật.

Dịch vụ xuất khẩu cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất ("DNCX") cần được chú trọng đánh giá để áp dụng đúng thuế suất thuế GTGT

Quy định tại Luật và văn bản hướng dẫn về thuế GTGT đã đưa ra tiêu chí chặt chẽ hơn về việc xác định dịch vụ "*xuất khẩu*", đặc biệt yêu cầu rõ ràng về nơi tiêu dùng dịch vụ, người thụ hưởng thực sự, và hồ sơ chứng minh. Trong bối cảnh đó, nhiều dịch vụ cung ứng cho các DNCX có thể không đáp ứng áp dụng thuế suất thuế GTGT, dẫn tới gia tăng chi phí đầu vào cho doanh nghiệp. Vì vậy, việc đánh giá bản chất của dịch vụ xuất khẩu cho DNCX là cần thiết để áp dụng đúng thuế suất thuế GTGT.



Nhận định của Deloitte Việt Nam và khuyến nghị đối với doanh nghiệp (tiếp)



Khuyến nghị đối với doanh nghiệp

Trong bối cảnh thay đổi toàn diện về hành lang quy định pháp lý thuế nói chung và quy định về thuế GTGT nói riêng, doanh nghiệp nên cân nhắc:

- ✓ **Rà soát toàn bộ danh mục hàng hóa, dịch vụ để xác định đúng đối tượng áp dụng thuế suất.**
- ✓ **Đánh giá điều kiện áp dụng thuế GTGT 0% đối với hàng hóa và dịch vụ cung cấp ra nước ngoài và vào khu phi thuế quan:** Các tiêu chí để được áp dụng thuế suất 0% với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đã được quy định chi tiết hơn quy định trước 01/7/2025, tuy nhiên, vẫn còn những nội dung có thể dẫn tới các cách tiếp cận khác nhau, giữa cơ quan Thuế và doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần rà soát quy trình chứng từ, hợp đồng và hồ sơ xuất khẩu để đảm bảo đủ điều kiện theo quy định mới, đặc biệt với dịch vụ cung cấp cho tổ chức nước ngoài nhưng sử dụng tại Việt Nam hoặc các dịch vụ cung ứng cho khu phi thuế quan.
- ✓ **Kiểm tra tính tương thích của hệ thống kế toán và phần mềm quản lý nội bộ:** Thay đổi liên quan đến khấu trừ và hoàn thuế có thể ảnh hưởng đến cách doanh nghiệp xử lý hóa đơn, định khoản thuế đầu vào, và ghi nhận doanh thu. Doanh nghiệp nên phối hợp với bộ phận kế toán và các đơn vị cung cấp phần mềm, để cập nhật hệ thống đảm bảo tuân thủ quy định mới một cách tự động và chính xác.
- ✓ **Cập nhật chính sách nội bộ và tăng cường đào tạo nhân sự thuế – kế toán và các bộ phận liên quan:** Việc cập nhật chính sách và quy trình nội bộ để phản ánh các quy định mới là rất quan trọng. Đồng thời, doanh nghiệp nên tổ chức đào tạo cho bộ phận kế toán, thuế và các phòng ban liên quan để giảm thiểu sai sót trong quá trình áp dụng thực tế.
- ✓ **Chủ động trao đổi với đơn vị tư vấn chuyên nghiệp để được hỗ trợ kịp thời:** Trong bối cảnh chính sách thuế có nhiều thay đổi và áp dụng khác nhau tùy theo ngành nghề, mô hình kinh doanh, doanh nghiệp được khuyến nghị chủ động trao đổi với các đơn vị tư vấn có kinh nghiệm chuyên sâu và thực tiễn vững chắc trong lĩnh vực thuế, để được tư vấn và hỗ trợ kịp thời, giúp đảm bảo tuân thủ pháp luật và tối ưu hóa nghĩa vụ thuế.





**Vietnam Tax Firm
of the Year
(2021 – 2024)**



Liên hệ

**Bùi Tuấn Minh**

Phó Tổng Giám đốc phụ trách
+84 24 7105 0022
mbui@deloitte.com

**Bùi Ngọc Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0021
tbui@deloitte.com

**Đinh Mai Hạnh**

Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0050
handinh@deloitte.com

**Vũ Thu Nga**

Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0023
ngavu@deloitte.com

**Vũ Thu Hà**

Phó Tổng Giám đốc
+84 24 710 50024
hatvu@deloitte.com

**Phạm Quỳnh Ngọc**

Phó Tổng Giám đốc
+84 24 710 50070
ngocpham@deloitte.com

**Thomas McClelland**

Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4333
tmcclelland@deloitte.com

**Phan Vũ Hoàng**

Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4345
hoangphan@deloitte.com

**Võ Hiệp Vân An**

Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4444
avo@deloitte.com

**Tất Hồng Quân**

Phó Tổng giám đốc
+84 28 7101 4341
quantat@deloitte.com

**Đặng Mai Kim Ngân**

Phó Tổng Giám đốc
+84 28 710 14351
ngandang@deloitte.com

**Trần Quốc Thắng**

Phó Tổng Giám đốc
+84 28 710 14323
qthang@deloitte.com

**Vũ Minh Ngọc**

Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4645
ngocmvu@deloitte.com



Để theo dõi Bản tin các kỳ trước,
Quý Khách hàng vui lòng truy cập vào [website của Deloitte](https://www.deloitte.com/vietnam).

*Bản tin Thuế & Pháp lý dành cho mục đích tham khảo
chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường*

Văn phòng

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
số 34 Láng Hạ, Phường Láng,
TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
Số 57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750

Deloitte.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Bengaluru, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Mumbai, New Delhi, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chi nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung, do vậy, không một hãng DTTL, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào.